

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **217/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 05 - 11 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 22/TB-TA ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trầm Trúc L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Như T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2012 chị L và anh T kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 278/2012 ngày 25/9/2012). Thời kỳ chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Dung H, sinh 03/9/2014.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L xác định trong cuộc sống vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn không thể Hn gần được.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị L và anh T không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình tiến Hnh tố tụng Tòa án đã triệu tập anh T để tham gia hòa giải 02 lần nhưng anh T đều không đến và chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, nên có căn cứ xác định chị L và anh T không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này, do đó xác định chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 278/2012 ngày 25/9/2012 của UBND xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Anh T đã biết được các yêu cầu cụ thể của chị L (trong đó có yêu cầu về nuôi con), nhưng anh T không có ý kiến phản đối gì. Chị L có yêu cầu được nuôi con, Hội đồng xét thấy cháu Phạm Dung H có giới tính nữ, hiện nay còn nhỏ và đang được chị L nuôi dạy, chị L không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, nên cần giao cháu H cho chị L nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L, nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên chưa có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị L và anh T. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trầm Trúc L.

- Về hôn nhân: Cho chị Trầm Trúc L ly hôn với anh Phạm Như T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 278/2012 ngày 25/9/2012 của UBND xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Dung H, sinh 03/9/2014. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L, nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh T không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004945 ngày 06/5/2021 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án, hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải